BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TC-QTKD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI MÔN: KINH TẾ VI MÔ
KỲ HÈ ĐỢT 2_ NĂM HỌC 2024-2025

STT	Họ và	tên	Ngày sinh	Mã SV	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Ánh	Phương	10/02/2004	100102104	KD10D	000001	186	3.40	03
2	Vũ Quang	Minh	21/01/2004	100102020	KD10H	000002	290	4.80	03
3	Bùi Thị	Nhung	09/09/2004	100102065	KD10H	000003	341	6.20	03
4	Nguyễn Ngọc	Nhi	15/05/2005	110102021	KD11D	000004	427	4.20	03
5	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	06/04/2005	110102101	KD11D	000005	568	4.00	03
6	Nguyễn Thị Hồng	Vinh	22/11/2005	110102032	KD11D	000006	654	6.60	03
7	Nguyễn Thị Mai	Linh	10/02/2004	100101145	NH10A	000007	654	3.60	03
8	Nguyễn Thị Thanh	Phương	28/12/2004	100101137	NH10A	000008	186	5.00	03
9	Nguyễn Ngọc	Quân	03/10/2004	100101085	NH10A	000009	290	4.40	03
10	Đào Thị Phương	Thư	13/11/2004	100101138	NH10A	000010	341	5.60	03
11	Vũ Thanh	Trúc	08/03/2004	100101088	NH10A	000011	427	6.20	03
12	Lương Ngọc	Tùng	16/12/2004	100101088	NH10A	000012	568	5.00	03
13	Phạm Thị Thu	Phương	15/01/2004	100103066	QM10A	000013	654	7.00	03
14	Lê Đức	Hiếu	25/10/2004	100103055	QM10B	000014	290	4.40	03
15	Nguyễn Quang	Huy	09/08/2004	100103057	QM10B	000015	341	5.00	03
16	Hàn Thị Bích	Hoài	24/10/2004	100103056	QT10A	000016	427	3.40	03
17	Nguyễn Phương	Thảo	27/10/2004	100103175	QT10A	000017	568	4.80	03
18	Trịnh Văn	Thuận	25/10/2004	100103070	QT10A	000018	186	4.80	03
19	Đỗ Ngọc	Linh	15/08/2004	100103080	QT10B	000019	654	5.40	03
20	Phạm Thị Ánh	Nguyệt	21/11/2004	100103145	QT10B	000020	186	4.40	03
21	Nguyễn Thị	Hường	30/01/2003	90103009	QT9B	000021	290	5.40	03
22	Đỗ Thị Khánh	Linh	17/12/2003	90103006	QT9B	000022	341	4.00	03
23	Phạm Hồng	Ngọc	20/04/2004	100101083	TC10A	000023	427	3.60	03
24	Phạm Trọng	Tài	16/12/2004	100101090	TC10A	000024			03
25	Hà Ngọc	Trà	02/05/2004	100101087	TC10B	000025	568	3.60	03

Tổng số bài: 24

Hưng Yên, Ngày 09 tháng 9 năm 2025

Cán bộ chấm 1

Nguyễn Thị Bích Hường

Cán bộ chấm 2

Đỗ Văn Dũng